

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày: 06/02/2018.

Về việc yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ
xây nhà.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2017, về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ xây nhà”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D. (Ông M và bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/9/2017, bản khai và biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Vào năm 2012, ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B thuê ông Nguyễn Ngọc T xây nhà để ở tại ấp Phú Sơn, xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Việc xây nhà hai bên chỉ thỏa thuận miệng mà không lập hợp đồng bằng văn bản. Về tiền công xây nhà hai bên thỏa thuận là 28.000.000 đồng và phương thức thanh toán được thực hiện sau khi ông T xây xong nhà và bàn giao cho ông M, bà B thì ông M, bà B có nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông T. Thực hiện giao kết, ông T đã xây xong nhà và bàn giao cho ông M, bà B trong thời gian

khoảng 03 tháng. Khi làm móng nhà thì ông M, bà B cho ông T tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông M và bà B thanh toán tiền công xây nhà còn nợ 26.000.000 đồng cho ông T nhưng ông M và bà B không trả. Ngày 01/8/2014, ông T tiếp tục đến yêu cầu ông M và bà B trả tiền, nhưng ông M và bà B không trả mà viết một giấy xác nhận còn nợ ông T số tiền 26.000.000 đồng và hẹn cuối tháng 02 năm 2015 trả tiền, nhưng đến nay ông M và bà B vẫn chưa trả số tiền nợ trên cho ông T. Số tiền nợ này không liên quan tới vợ ông T là bà Nguyễn Thị Thùy Tr, nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M và bà B phải thanh toán tiền công xây nhà còn nợ cho ông T là 26.000.000 đồng và ông T không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B vắng mặt trong quá trình tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 114/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 385/TB-TA, ngày 02/10/2017, số 400/TB-TA ngày 19/10/2017 và triệu tập nhiều lần để ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B đến Tòa án để làm việc, nhưng ông M và bà B đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến về nội dung vụ án, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo kết quả xác minh tại Công an xã B, huyện C thì ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại Tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, nhưng ban ngày ông M và bà B đi làm không có ở nhà, nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông M, bà B theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật nên xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền công xây nhà còn nợ là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án đủ cơ sở nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B trả tiền công xây nhà còn nợ 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng). Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ xây nhà” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn

M và bà Hoàng Thị B có nơi cư trú tại Tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thời hiệu khởi kiện*: Từ ngày 01/3/2015, ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B không thanh toán tiền công xây nhà còn nợ cho ông T như nội dung đã cam kết trong giấy xác nhận nợ ngày 01/8/2014. Ngày 14/9/2017, ông T khởi kiện yêu cầu ông M, bà B trả tiền là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*:

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 19/01/2018 và tại phiên tòa lần thứ hai ngày 06/02/2018, ông M, bà B đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà B theo luật định.

- Bà Nguyễn Thị Thùy Tr là vợ của ông Nguyễn Ngọc T có đơn từ chối tham gia tố tụng đề ngày 04/10/2017, nên Tòa án không đưa bà Tr vào tham gia tố tụng.

[4]. *Về áp dụng luật*: Các bên đương sự thực hiện giao dịch xây nhà ở vào năm 2012 nên áp dụng Bộ luật dân năm 2005 để giải quyết.

[5]. *Xét nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền công xây nhà còn nợ 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng)*:

Mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn không lập hợp đồng xây dựng nhà hoặc hợp đồng thi công công trình, nhưng căn cứ vào bản gốc “Đơn thiếu nợ tiền công xây nhà” lập ngày 01/8/2014 do ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B ký, có nội dung xác nhận còn nợ ông Nguyễn Ngọc T tiền công xây nhà là 26.000.000 đồng và hứa trả nợ cho ông T vào cuối tháng 02/2015. Vì vậy, xác định ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B có thuê ông Nguyễn Ngọc T xây nhà ở và còn nợ ông T số tiền tiền công xây nhà là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông M, bà B nhiều lần đến Tòa án để làm việc, nhưng ông M, bà B đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy xác nhận nợ ngày 01/8/2014, đồng thời ông M và bà B cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh mình không nợ ông T tiền công xây nhà. Do đó ông M và bà B đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Căn cứ giấy xác nhận nợ ngày 01/8/2014, xác định ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B còn nợ ông Nguyễn Ngọc T 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) tiền công xây nhà, nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M và bà B có nghĩa vụ trả số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

[6]. *Về lãi suất*: Nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T không yêu cầu tiền lãi đối với bị đơn, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Căn cứ các Điều 290, Điều 518, Điều 520 và Điều 524 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về

việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B thực hiện nghĩa vụ trả tiền công xây nhà còn nợ. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền công xây nhà còn nợ là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

[8]. *Về án phí*: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: 26.000.000 đồng x 5% = 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 290, Điều 518, Điều 520 và Điều 524 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 429, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M và Hoàng Thị B trả tiền công xây nhà còn nợ.

2. Buộc ông Nguyễn Văn M và Hoàng Thị B có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị B phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009070 ngày 14/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh D;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy